THÁNG 8/2016

ASA

BẢN TIN VĂN BẢN

MỤC LỤC Trang

THÔNG TƯ SỐ 130/2016/TT-BTC HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ GTGT, TTĐB VÀ QUẢN LÝ THUẾ 1

THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ. 2

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ. 3

MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ. 3 - 4

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG CHi VÀ QUẢN LÝ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP 5

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI MUA TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP 5

QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN, VỐN GÓP CHI PHỐI CỦA NHÀ NƯỚC 6

THÔNG TƯ SỐ 130/2016/TT-BTC HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ GTGT, TTĐB VÀ QUẢN LÝ THUẾ

Ngày 12/08/2016 BTC ban hành thông tư số 130/2016/TT-BTC hướng dẫn nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế.

Một trong những sửa đổi quan trọng của Thông tư này là quy định không hoàn thuế GTGT đối với hàng mua bán trong nước theo quy định của Luật số 106/2016/QH13. Từ 01/07/2016 chỉ hoàn thuế đối với những cơ sở kinh doanh sau có số thuế GTGT còn lại chưa khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế : □ Cơ sở kinh doanh có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan. □ Cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư thỏa điều kiện quy định tại Luật 106/2016/QH13. Thông tư này loại trừ các dự án đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê mà không hình thành TSCĐ khỏi danh mục các dự án được xét hoàn theo diện "dự án đầu tư". Về thuế TNDN, thông tư bổ sung khái niệm “đầu tư thường xuyên” khi bổ sung tại điểm a1 khoản 6 Điều 18 Thông tư 78/2014/TT-BTC như sau : Trong giai đoạn từ năm 2009-2013, doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh mà sử dụng quỹ khấu hao cơ bản TSCĐ của doanh nghiệp; sử dụng lợi nhuận sau thuế tái đầu tư; sử dụng vốn trong phạm vi vốn đầu tư đã đăng ký để đầu tư bổ sung máy móc thiết bị thường xuyên và không tăng công suất sản xuất kinh doanh theo đề án kinh doanh đã đăng ký thì không phải là đầu tư mở rộng. Doanh thu phát sinh từ việc đầu tư bổ sung này sẽ không bị loại trừ khi xét hưởng ưu đãi thuế. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2016, ngày mà Luật số 106/2016/QH13 và Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 có hiệu lực thi hành. Riêng điều 4 của Thông tư này về miễn nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với khoản nộp hang năm từ 50.000 VND trở xuống thì áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2016.

THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Thông tư 133/2016/TT-BTC thay thế QĐ 48/2006/QĐ-BTC được xây dựng trên nền tảng của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC. Thông tư thay đổi theo hướng đổi mới các tiếp cận chính sách, áp dung thực tế cao hơn, linh hoạt hơn:

+ Chế độ kế toán hầu hết quy định đến TK cấp 1 và chỉ có một số ít TK chi tiết đến cấp 2. Không có riêng tài khoản ngắn hạn hay dài hạn nữa mà mỗi tài khoản chỉ phản ánh một nội dung. Doanh nghiệp được tự chi tiết và theo dõi dài hạn, ngắn hạn hoặc mở các tài khoản chi tiết theo yêu cầu của quản lý.

+ Bỏ toàn bộ các quy định bắt buộc đối với sổ sách kế toán và chứng từ. Doanh nghiệp vừa và nhỏ được tự xây dựng hệ thống sổ sách và chứng từ phù hợp với đặc thù kinh do-anh của mình, không phải xây dựng theo khuôn mẫu có sẵn. Tuy nhiên, khi xây dựng sổ sách, chứng từ, bạn vẫn phải đảm bảo tuân thủ theo đúng các yêu cầu của luật kế toán.

+ Chế độ kế toán chỉ quy định về nguyên tắc kế toán mà không quy định chi tiết các bút toán. Doanh nghiệp sẽ được tự quyết định các bút toán ghi sổ sao cho phù hợp nhất với mình và trình bày BCTC theo đúng quy định bởi vì chế độ kế toán không quy định chi tiết các bút toán. Nếu doanh nghiệp không thể tự lập bút toán thì có thể tham khảo các hướng dẫn về nghiệp vụ.

+ Khi đáp ứng được các tiêu chí chế độ quy định thì doanh nghiệp được tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán, được lựa chọn biển mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc là phân biệt dài hạn, ngắn hạn theo truyền thống.

+ Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn được tự quy định đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận vốn nhận từ doanh nghiệp là vốn chủ sở hữu hay nợ phải trả, tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không bị phù thuộc vào chứng từ xuất ra là phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ hay hóa đơn GTGT.

+ Tách biệt giữa thuế và kế toán, hướng đến phục vụ nhu cầu điều hành, quản trị DN.

+ Tách biệt kĩ thuật ghi chép trên sổ kế toán và kĩ thuật trình bày BCTC: doanh nghiệp có thể áp dụng nhiều kỹ thuật kế toán khác nhau nhưng cuối cùng các thông tin trên BCTC phải trung thực, minh bạch và được trình bày nhất quán.

+ Thông tư tiếp cận gần hơn với các thông lệ và Chuẩn mực quốc tế. Trong thông tư có đưa ra một số nội dung mang tính thông lệ thế giới như đánh giá tổn thất khoản cho vay và bất động sản đầu tư, ghi nhận doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thực hiện, phân loại chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn…

+ Ngoài ra, chế độ kế toán mới cho doanh nghiệp vừa và nhỏ còn bổ sung hướng dẫn cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục

Thông tư áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2017, những quy định trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

Ngày 26/08/2016 BTC ban hành thông tư 133/2016/TT – BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ thay thế QĐ 48/2006/QĐ – BTC có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau 01/01/2017.

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ

Ngày 23/08/2016 Chính phủ ban hành Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật phí và lệ phí.

Nghị định quy định về việc kê khai, thu, nộp phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; quyết toán phí, lệ phí; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí. Kê khai, thu, nộp, quyết toán phí, lệ phí .

Nghị định quy định, người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quy định cụ thể kỳ kê khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.

Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế; Định kỳ hàng ngày, tuần hoặc tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí thu được vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước. Căn cứ số tiền phí thu được nhiều hay ít, nơi thu phí xa hay gần Kho bạc Nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quy định định kỳ ngày; tuần hoặc tháng tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong kỳ vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ số tiền phí được để lại.

Nguyên tắc quản lý và sử dụng phí:

Theo Nghị định, phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm: cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này, phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ

Công văn số 3728/TCT-CS ngày 18/08/2016 về miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản

Trường hợp tổ chức kinh tế được nhà nước cho thuê đất trước ngày 01/07/2014 đã nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản và cơ quan thuế đã ban hành thông báo tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản thì việc xem xét miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản thực hiện theo điểm 1.2 Công văn số 7810/BTC-QLCS. Thời gian được xem xét miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản được tính theo thời gian xây dựng cơ bản thực tế nhưng không được vượt thời gian xây dựng cơ bản theo dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp thời gian xây dựng cơ bản dự án thực tế hoàn thành kéo dài hơn thời gian xây dựng cơ bản được phê duyệt thì thời gian miễn tiền thuê đất tính theo thời gian xây dựng cơ bản của dự án được phê duyệt.

MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ *(tiếp)*

Công văn số 3822/TCT-DNL ngày 22/08/2016 về doanh thu tính thuế đối với trường hợp cá nhân cho thuê tài sản:

Theo quy định hiện hành, doanh thu tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNCN đối với hoạt động cho thuê tài sản thuộc diện chịu thuế là doanh thu đã bao gồm thuế. Do đó, trường hợp Công ty ký hợp đồng thuê tài sản của các cá nhân, trong hợp đồng quy định giá thuê chưa bao gồm thuế và Công ty chịu trách nhiệm nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê tài sản thì Công ty xác định doanh thu tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNCN bằng (:) doanh thu chưa bao gồm thuế trả cho cá nhân cho thuê tài sản chia cho (:) 0.9**.**

Công văn số 3671/TCT-DNL ngày 16/08/2016 về hướng dẫn việc thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng hóa, dịch vụ:

Nếu Công ty ủy quyền cho cá nhân là người lao động của Công ty sử dụng thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng mang tên cá nhân để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ cho người bán sau đó về thanh toán lại với doanh nghiệp nếu có đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh hàng hóa, dịch vụ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm: Hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ mang tên Công ty; Hồ sơ nên quan đến việc ủy quyền của doanh nghiệp cho cá nhân thanh toán với người bán và thanh toán lại với doanh nghiệp; chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của Công ty cho cá nhân và chứng từ chuyển tiền từ thẻ của cá nhân cho người bán thì Công ty được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào và được tính vào chi phí được trừ khi tính thuếTNDN.

Công văn số 3945/TCT-CS ngày 30/8/2016 của Tổng cục Thuế về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12, dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thuộc đối tượng được giảm 50% thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Mặt khác, theo phụ lục B Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm Nghị định số 108/2006/NĐ-CP thì khu công nghiệp thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ được là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Theo đó, đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp thành lập theo quyết định của Thủ tướng sẽ được giảm 50% thuế sử dụng đất PNN.

Công văn 3907/TCT-KK ngày 29/08/2016 về việc kê khai, nộp thuế GTGT vãng lai.

Công ty có trụ sở chính tại Hà Nội và được chấp thuận đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị mới tại địa phương khác với tổng mức đầu tư trên 1 tỷ đồng. Nếu công ty thành lập đơn vị trực thuộc (chi nhánh, ban quản lý dự án…) để quản lý dự án tại địa phương nêu trên thì công ty phải đăng ký thuế và kê khai thuế GTGT vãng lại phát sinh tại địa phương khác theo quy định.

Công văn 3437/TCT-TNCN ngày 02/08/2016 Hướng dẫn khấu trừ thuế TNCN đối với tiền hoa hồng, thù lao trả cho cá nhân.

Theo công văn hướng dẫn, thu nhập mà cá nhân nhận được từ hợp đồng làm dịch vụ tư vấn thực hiện các công việc, dịch vụ quảng cáo, hoa hồng mô đại lý, môi giới…. Là thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân. Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao cho các nhân cư trú, không kí hợp đồng lao động hoặc kí hợp đồng dưới 3 tháng thì phải có trách nhiệm khấu trừ theo mức 10% đối với thu nhập từ 2.000.000 đồng/lần trở lên trước khi trả thu nhập cho cá nhân.

Công văn 3984/TCT– TNCN ngày 31/08/2016 về chính sách thuế TNCN.

Theo công văn, Trường hợp Văn phòng đại diện chi trả hộ tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động phù hợp với công việc chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động hoặc theo kế hoạch của đơn vị sử dụng lao động và khoản chi hỗ trợ này có hóa đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định thì không tính vàothu nhập chịu thuế TNCN của người lao động. Đối với phần hỗ trợ vượt mức chi phí đào tạo thực tế phát sinh thì Văn phòng phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

Công văn số 3572/TCT-CS ngày 10/08/2016 về chính sách thuế nhà thầu đối với hợp đồng dịch vụ tư vấn.

Theo đó, căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật thuế Thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội về đối tượng nộp thuế TNCN; khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ Tài chính quy định về đối tượng chịu thuế GTGT; và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 60/2012/TT-BTC quy định về thu nhập chịu thuế TNDN, có các nội dung đáng chú ý sau:

Trường hợp Công ty ký hợp đồng dịch vụ với Nhà cung cấp tại nước ngoài để được cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý, kỹ thuật cho một dự án xây dựng, tại hợp đồng quy định ngoài mức giá hợp đồng ước tính, Công ty sẽ chi trả các khoản công tác phí (vé máy bay, tiền lưu trú khách sạn…), là khoản tiền sẽ được trả dựa vào chi phí thực tế bằng chứng từ thì khoản công tác phí nêu trên (không phân biệt nơi phát sinh khoản công tác phí ở Việt Nam hay ở nước ngoài) thuộc thu nhập chịu thuế nhà thầu (thuế GTGT, thuế TNDN) của Nhà cung cấp tại Việt Nam theo quy định. Các cá nhân nước ngoài là chuyên gia của Nhà cung cấp hoặc do Nhà cung cấp thuê để thực hiện hợp đồng dịch vụ tư vấn phải thực hiện nghĩa vụ thuế TNCN tại Việt Nam theo quy định.

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG CHI VÀ QUẢN LÝ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 3730/TCTS ngày 18/08/2016 giới thiệu thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC về nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp như sau:

- Nguồn hình thành Quỹ Quỹ được hình thành từ 02 nguồn:

+ Thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ tính thuế;

+ Điều chuyển từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ xuống Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên; Điều chuyển từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty con, doanh nghiệp thành viên về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ.

- Mức trích lập Quỹ từ thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế:

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước: trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ để lập Quỹ;

+ Đối với doanh nghiệp ngoài Nhà nước: Tự quyết định mức trích cụ thể nhưng tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ.

- Về việc sử dụng Quỹ

Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% số Quỹ đã trích lập (trong đó có bổ sung quy định về việc nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế), cụ thể: Trong thời hạn 05 năm, kể từ khi trích lập, tổng số tiền đã sử dụng và số tiền nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế không hết 70% số quỹ đã trích lập kể cả nhận Điều chuyển (nếu có) thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền Quỹ còn lại và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi là thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp trong thời gian trích lập Quỹ. Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ không sử dụng hết là lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm (hoặc lãi suất tín phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm) áp dụng tại thời Điểm thu hồi và thời gian tính lãi là 02 năm.

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI MUA TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Ngày 30/6/2016, Ngân hàng nhà nước ban hành thông tư 22/2016/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu của doanh nghiệp.

Thông tư này quy định về nguyên tắc, điều kiện mua trái phiếu doanh nghiệp của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài "Trái phiếu doanh nghiệp" được hiểu là một loại chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả gốc, lãi và các nghĩa vụ khác (nếu có) của doanh nghiệp đối với chủ sở hữu trái phiếu. Một trong những điểm mới có lợi của Thông tư này (Điều 5) là cho phép ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được MUA LẠI trái phiếu doanh nghiệp từ các pháp nhân, cá nhân, thay vì quy định cũ tại Thông tư 28/2011/TT -NHNN chỉ cho phép mua trái phiếu từ chính doanh nghiệp phát hành Tuy nhiên, Thông tư này lại bổ sung quy định cấm các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp bằng nguồn vốn vay từ các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng khác (khoản 5 Điều 3) Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/08/2016 và thay thế Thông tư số 28/2011/TT-NHNN ngày 01/09/2011.

QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI CÔNG TY CÓ CỔ PHẦN, VỐN GÓP CỦA NHÀ NƯỚC

Nghị định này quy định chi tiết về chính sách lao động, chế độ lương, thưởng đối với người lao động và người quản lý tại Công ty cổ phần hoặc Công ty TNHH có vốn góp Nhà nước trên 50% vốn điều lệ Theo đó, đối với người đại diện phần vốn Nhà nước thì mức tiền lương bình quân kế hoạch (còn được gọi là "mức lương cơ bản") sẽ không được quá 36 triệu đồng/tháng, nếu lợi nhuận kế hoạch của Công ty chỉ đạt dưới 50 tỷ. Trường hợp đạt lợi nhuận kế hoạch từ 50 tỷ trở lên thì mức lương cơ bản của người đại diện được tính tăng thêm theo hệ số điều chỉnh từ 0,5 - 2,5 (tùy mức lợi nhuận đạt được) Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách được căn cứ vào quỹ tiền lương kế hoạch và mức độ hoàn thành lợi nhuận kế hoạch. Nếu vượt lợi nhuận kế hoạch thì cứ vượt 1% lợi nhuận người quản lý được tính thêm 2% lương, nhưng tối đa không quá 20% mức tiền lương bình quân Đối với Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách được xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương của người quản lý chuyên trách Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện và được trích thêm tối đa 3 tháng nữa nếu lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch. Riêng Quỹ tiền thưởng của người quản lý thì tối đa không quá 1 tháng tiền lương bình quân thực hiện và không quá 1,5 tháng nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/08/2016.

Ngày 13/06/2016 chính phủ ban hành nghị định số 53/2016/NĐ-CP quy định về lao động, tiền lương, thù lao tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2016.

Bản thông tin cập nhật văn bản hàng tháng này được cung cấp cho khách hàng và toàn bộ nhân viên của ASA. Nội dung của bản cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Người đọc cần liên hệ với chuyên viên tư vấn trước khi sử dụng bất cứ thông tin nào trong bản tin.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

BAN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KH:

Ông: Đỗ Quốc Việt
Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0919 858 626
Email: vietdq.audit@gmail.com

Bà: Trương Thị Hải Vân
Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0904 787 763
Email: vantth@asa-audit.com

VĂN PHÒNG:
P1107, tòa 262 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
Phone: 04 3858 1122
Fax: 04 3858 5533
Email: contact@asa-audit.com
Website: www.asa-audit.com

Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) là một tổ chức tư vấn hợp pháp chuyên ngành Kiểm toán - Kế toán - Thuế - Tài chính, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Giấy phép số 0102000577, cấp ngày 24 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Nguyên tắc hoạt động

"Độc lập, khách quan và bí mật nghề nghiệp"

Phương châm hoạt động

"Uy tín và chất lượng là tiêu chí khẳng định thương hiệu ASA"

Slogan

"Hướng tới sự phát triển bền vững"

Cam kết dịch vụ

ASA đã và đang thực hiện cung cấp các dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho hàng trăm khách hàng hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động. Với sự am hiểu về hệ thống luật pháp của Việt Nam cùng với thái độ làm việc nghiêm túc và sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi khách hàng, ASA cam kết sẽ mang đến những dịch vụ tốt nhất.